

Số: /BVLBP-KD-VTTBYT
V/v gia hạn mời chào giá vật tư y tế,
công cụ dụng cụ hóa chất y tế
và sinh phẩm chẩn đoán invitro

Bình Định, ngày tháng 11 năm 2023

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30/6/2023 của Bộ Y tế Quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa và cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Công văn số 1306/BVLBP-KD-VTTBYT ngày 06/11/2023 V/v mời chào giá vật tư y tế, công cụ dụng cụ hóa chất y tế và sinh phẩm chẩn đoán invitro;

Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Bình Định có nhu cầu tiếp tục nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu mua sắm vật tư y tế, công cụ dụng cụ, hóa chất y tế và sinh phẩm chẩn đoán invitro để phục vụ công tác khám chữa bệnh và dự phòng của Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Bình Định năm 2024, với những nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Bình Định

2. Thông tin người tiếp nhận báo giá:

Bà Phan Thị Ngọc Hiếu, Nhân viên phòng Văn thư – Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Bình Định.

Số điện thoại: 02563.848.527 – 0987.575.380

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp hoặc qua bưu điện tại địa chỉ: Phòng Văn thư, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Bình Định.

Địa chỉ: Số 07 Hồ Đắc Di, phường Nhơn Phú, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Số điện thoại: 02563.848.527 – 0987.575.380

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày phát hành thông báo gia hạn đến trước 15h30 ngày 20/11/2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 16/11/2023

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa: Vật tư y tế, công cụ dụng cụ, hóa chất y tế và sinh phẩm chẩn đoán invitro (Có phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo)

2. Địa điểm cung cấp: Khoa dược – Vật tư, thiết bị y tế – Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Bình Định.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Quý I/2024 (Tùy theo thời gian ký kết hợp đồng).

4. Dự kiến về các điều khoản:

- Tạm ứng: Không.
- Thanh toán hợp đồng: Theo từng hóa đơn xuất hàng trong vòng 90 ngày.

Ghi chú:

- Trong Báo giá có thể đính kèm Catalogue hoặc các tài liệu chứng minh hàng hóa chào giá.

- **Bên ngoài bì thư gửi báo giá, ghi rõ:** Bảng báo giá vật tư y tế, công cụ dụng cụ, hóa chất y tế và sinh phẩm chẩn đoán invitro để phục vụ công tác khám chữa bệnh và dự phòng của Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Bình Định năm 2024.

- Mẫu Báo giá phải đúng theo mẫu báo giá áp dụng cho trường hợp mua sắm trang thiết bị y tế quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30/6/2023 của Bộ Y tế. *(Có Mẫu báo giá kèm theo)*

Rất mong sự quan tâm và hợp tác của Quý Công ty/ Đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Y tế (Đăng Trang TTĐT của Sở Y tế);
- Trang TTĐT Bệnh viện;
- Lãnh đạo Bệnh viện;
- Lưu: VT, KD-VTTBYT.

GIÁM ĐỐC

Châu Văn Tuấn

PHỤ LỤC 1:**DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ, CÔNG CỤ DỤNG CỤ**

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I	Vật tư y tế				
1	Băng keo chỉ thị nhiệt	Kích thước: 12mm x 55m, dùng để kiểm tra gói dụng cụ đã hấp và chưa hấp thông qua vạch, dùng trong kỹ thuật hấp ướt	Cuộn	15	
2	Bình dẫn lưu màng phổi	Cấu hình: 01 chiếc bình hút dẫn lưu, 01 chiếc bộ dẫn lưu màng phổi; Bình trong suốt, thể tích từ 1600ml đến 2500ml - Đóng gói tiệt khuẩn	Cái	150	
3	BƠM TIÊM ECO SỬ DỤNG MỘT LẦN 1ml	- Dung tích: 1ml -Thành phần: + Kim: chất liệu thép không rỉ. Kim 26G x 1/2. + Ống Xy lạnh, Pit tông: chất liệu nhựa dùng trong y tế. + Gioăng: chất liệu cao su dùng trong y tế. Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc.	Cái	6.000	
4	Cuvette TC	Chất liệu bằng nhựa hoặc thạch anh.	Cái	2.000	
5	Dao mổ	Làm bằng thép không gỉ, tiệt trùng bằng tia gamma. Số 11.	Cái	100	
6	Dây garo	Vải thun có băng dán, dài 28cm	Cái	100	
7	Dây hút nhót có khóa	Số 14, ống dẫn làm bằng chất liệu nhựa cao cấp, không gây kích ứng	Cái	100	
8	Dây nối bơm tiêm điện	Chất liệu nhựa tổng hợp y tế không độc tố. Được tiệt trùng, dài 140 cm	Cái	150	
9	Dây nối Oxy	Chất liệu nhựa y tế, dài 2 mét. Bao gồm cả chạc nối, ống nối đi kèm. Được tiệt trùng và đóng gói riêng lẻ trong từng túi	Cái	100	
10	Dây thở oxy 2 nhánh người lớn	Dây 2 nhánh người lớn, nhựa y tế an toàn, mềm mại, không gây dị ứng. Bì 1 cái, tiệt trùng.	Cái	1.500	
11	Dây thở oxy một nhánh	Số 14, làm bằng nhựa đã tiệt khuẩn, sử dụng một lần.	Cái	200	
12	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng (có bột) Dài 280mm Các số: 6,5; 7; 7,5 Vô trùng. Gói 1 đôi.	Đôi	1.500	
13	Giấy chỉ thị hóa học	Dùng cho các chu trình tiệt khuẩn 121 độ C hoặc 132 độ C. Đánh giá 3 thông số: nhiệt độ, thời gian, hơi nước.	Miếng/ Tờ	1.500	
14	Giấy đo PH	Đo độ pH cho nước và các dung môi phòng thí nghiệm	Miếng/ Tờ	1.400	
15	Kim chọc dò tủy sống	Kim được làm bằng thép không gỉ, số 20G.	Cái	50	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		Kích thước: 0.90mm x 88mm			
16	Kim tiêm dùng lấy thuốc số 18	Kim 18G 1x1/2 inch. Kim được làm bằng thép không gỉ. Đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn, không gờ, có nắp chụp bảo vệ. Sản phẩm đóng gói trong túi riêng, không có độc tố và chất gây sốt. Đóng gói vô khuẩn	Cái	70.000	
17	Lọ đựng bệnh phẩm	Lọ nhựa trong suốt, có nắp nhựa, có nhãn, dung tích 50 - 60ml	Lọ	10.000	
18	Mask thở khí dung người lớn	Bộ phụ kiện Mask thở khí dung sử dụng được cho mọi loại máy xông khí dung bao gồm: dây dẫn khí, cốc đựng thuốc, mặt nạ	Bộ	2.500	
19	Mặt nạ thở oxy có túi dự trữ (Mask oxy có túi)	Được làm từ chất liệu nhựa PVC được dùng trong y tế. - Túi hơi dùng để dự trữ khí oxy. - Ống hơi được mở an toàn - Mask với dây đeo đàn hồi. - Kẹp mũi điều chỉnh được. - Mặt nạ cung ứng một nồng độ oxy cao với ống 2m. - Được tiệt trùng và đóng gói riêng lẻ trong từng túi; - Size: S, M, L, XL; - Kích thước: 47cm x 39cm x 25 cm	Cái	300	
20	Núm điện cực điện tim đa năng, bo chuông điện tim	6 cái/hộp, màu sắc xám. Chui cắm : 3mm và 4mm.; Kích thước: điện cực kim loại 21mm. Núm cao su 27mm. Chiều cao điện cực 58 mm	Cái	18	
21	Nút đẩy kim luồn	Phù hợp với tất cả các size kim luồn tĩnh mạch, có cổng chích thuốc dễ sử dụng; Được làm bằng chất liệu nhựa cao su	Cái	5.000	
22	Ống dẫn lưu màng phổi	- Chất liệu nhựa PVC y tế mềm không độc hại, không gây kích ứng. - Ống dẫn lưu thẳng hoặc cong theo chiều dài của lồng ngực, có nhiều lỗ dẫn lưu. - Cản quang - Tiệt trùng, số 22-24	Cái	100	
23	Ống nghiệm thủy tinh	Ống Thủy Tinh dùng trong xét nghiệm - Đường kính 10mm, chiều cao 70mm.	Ống	300	
24	Phim X-Quang	Kích thước 30x40 cm	Tờ	3.000	
25	Phim CT Scanner	Phim khô Laser, kích thước 35x43 cm, có thể nạp phim theo khay dưới ánh sáng thường.	Tờ	3.000	
26	Phim X-Quang kỹ thuật số	Phim khô Laser, kích thước 20x25 cm, có thể nạp phim theo khay dưới ánh sáng thường	Tờ	20.000	
27	Pipet nhựa paster (sử dụng 1 lần)	Chất liệu: Nhựa y tế hoặc tương đương, mềm mại, có vạch chia từ 0.5ml, tiệt trùng bằng EO gas. Chiều dài khoảng 160mm, dung tích lấy mẫu 3ml. Sản phẩm sử dụng một lần.	Cái	50	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
28	Ống Facol	Ống nhựa, đáy nhọn, có nắp nhựa đạt tiêu chuẩn dùng trong y tế, 50ml, có nút xoáy	Tube	4.000	
II	Công cụ dụng cụ				
1	Bộ mở khí quản (17 chi tiết)	Cấu hình bao gồm: - Cán dao số 4: 01 cái - Cán dao số 7: 01 cái - Bánh khí quản bose cong trái 16cm: 01 cái - Panh khí quản bose cong Phải 16cm: 01 cái - Bánh khí quản đầu tù 16cm: 02 cái - Bánh khí quản bose: 01 cái - Canuyn số 6 và 8: 02 cái - Kéo thẳng nhọn 14cm: 01 cái - Kẹp bông 16cm: 01 cái - Kẹp sãng 9cm: 01 cái - Panh cong không mẫu 14cm: 01 cái - Nĩa không mẫu 14cm: 01 cái - Nĩa có mẫu 14cm: 01 cái - Que thông 13cm: 01 cái - Hộp inox 23cm x 12cmx5cm: 01 hộp	Bộ	5	
2	Cân đo sức khỏe y tế	Chức năng: Cân trọng lượng cơ thể và đo chiều cao. - Cân trọng lượng: Từ 0.5kg - 120kg - Đo chiều cao: Từ 70cm - 190cm - Kích thước bàn cân: 28cm x 38cm - Kích thước cả cân: 95cm x 30cm x 29cm	Cái	5	
3	Đèn đọc phim 3 cửa	Kích thước ngoài: 1200x502x38 mm Kích thước hình ảnh: 1080x422 mm Công suất tối đa: 90W, Tự động bật sáng khi cài film hoặc công tắc tiện dụng tay. Ánh sáng đồng đều Vỏ đèn bằng inox Trên giá đỡ, giá để bàn hoặc treo tường	Cái	7	
4	Đèn hồng ngoại chân cao	- Công suất bóng đèn 250W. Cố định vị xoay được. - Đuôi đèn Ceramic sử dụng cho nhiều loại bóng. chóa đèn chất liệu nhôm hoặc tương đương - Có công tắc dimmer để điều chỉnh cường độ. Thân đèn điều chỉnh được, cao từ 1m đến 1,7m. - Cấu hình bao gồm: 01 Chân đèn hồng ngoại cao 1m đến 1,7m + 01 Bóng đèn hồng ngoại.	Cái	3	
5	Đèn soi thủ thuật	- Chân đèn chiều cao từ 1m đến 1,7m. Bộ gồm: Vỏ đèn, thân đèn làm bằng inox, chóa đèn chất liệu nhôm hoặc tương đương. - Bóng đèn công suất 40W - max 250W, có điều chỉnh tăng giảm được độ nóng, đuôi đèn ceramic. - Cố định vị xoay được.	Cái	5	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
6	Hộp hấp tròn Inox	- Hộp có nắp bằng inox, dùng trong y tế. - Đường kính 20-24cm - Đạt tiêu chuẩn dùng trong y tế	Hộp	10	
7	Hộp hấp chữ nhật inox có nắp	- Hộp có nắp bằng inox, dùng trong y tế. - Kích thước: 22cm x 11cm x 5cm, (± 2 cm), - Đạt tiêu chuẩn dùng trong y tế.	Hộp	10	
8	Kéo thẳng cắt chỉ 2 đầu nhọn	- Chất liệu: Thép không gỉ. - Kích thước dài 14cm, 2 đầu nhọn. - Đạt tiêu chuẩn dùng trong y tế.	Cái	20	
9	Kéo thẳng cắt chỉ đầu có gờ lệch 1 bên	- Chất liệu: Thép không gỉ. - Kích thước: 12cm, gờ lệch 1 bên. - Đạt tiêu chuẩn dùng trong y tế.	Cái	20	
10	Kéo thẳng nhọn	- Chất liệu: Thép không gỉ. - Kích thước: Dài 16cm, 2 đầu nhọn. - Đạt tiêu chuẩn dùng trong y tế.	Cái	20	
11	Kẹp phẫu tích có máu (kẹp da)	- Chất liệu: Thép không gỉ. - Kẹp da, mũi thẳng, dài 16cm.. - Đạt tiêu chuẩn dùng trong y tế.	Cái	10	
12	Kẹp phẫu tích không máu (kẹp mô)	- Chất liệu: Thép không gỉ. - Kẹp mô, mũi thẳng, dài 16cm. - Đạt tiêu chuẩn dùng trong y tế.	Cái	10	
13	Pen (Panh) kẹp kim (16cm)	- Chất liệu: Thép không gỉ. - Kích thước: dài 16cm. - Đạt tiêu chuẩn, dùng trong y tế.	Cái	10	
14	Pen (Panh) tách cơ thẳng	- Chất liệu: Thép không gỉ. - Kích thước: dài 12-14cm. - Đạt tiêu chuẩn dùng trong y tế.	Cái	10	
15	Pen (Panh) thẳng, có máu	- Chất liệu: Thép không gỉ. - Kích thước: dài 16cm. - Đạt tiêu chuẩn đạt tiêu chuẩn	Cái	20	
16	Xe đẩy bệnh nhân	- Vật liệu : Thép mạ Chrome, Độ rộng ghế ngồi: ≥ 46 cm, Bánh trước rộng $\geq 8''$, xoay 360 độ, Bánh sau $\geq 24''$, bánh đặc, - Vành xe nan hoa tải trọng ≥ 120 kg, Khung xe được làm bằng sắt mạ crom. - Vị trí gác tay và chân gắn liền khung xe, - Xe có gắn 2 vòng lăn 2 bên, giúp cho việc tự di chuyển, Có hai tay đẩy phía sau để người nhà giúp di chuyển, Có hệ thống thắng xe ở 2 bên bánh xe. Bánh xe trước và sau được làm bằng cao su đúc. Có hệ thống thắng xe ở 2 bên bánh xe. - Xe có thể được xếp gọn lại khi không sử dụng.	Chiếc	7	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
17	Xe đẩy cáng vận chuyển bệnh nhân	- Vật liệu: Inox 304, hoặc Inox 403, Kích thước: 1900(D) x 600(R) x 750(C) mm ($\pm 5\%$.) - Có 4 bánh xe có khóa, Bốn bánh xe $\geq \varnothing 120\text{mm}$, 2 bánh có phanh - Xe và cáng, cáng có thể nhấc ra khỏi khung xe. Mặt cáng làm bằng inox tấm dày khoảng $\geq 1.0\text{mm}$, bọc ôm khít khung cáng. Lan can làm bằng $\geq \varnothing 19 \times 1.0\text{mm}$, có thể hạ xuống gấp gọn phía dưới cáng. - Có cọc treo chai hoặc túi truyền dịch.	Cái	4	
18	Xe đẩy oxy	- Vật liệu: Inox 304, hoặc Inox 403. Chiều cao khoảng: $\geq 1200\text{mm}$; sử dụng ống $\varnothing 25 \times 1.0\text{mm}$ ($\pm 5\%$) - Đế xe làm bằng inox tấm dày 3.0mm ($\pm 5\%$), có thể kiêng an toàn. Thanh giá giữ phía sau có thể dịch chuyển và được giữ nhờ hệ thống khóa móc cố định khi để bình oxy - Có dây xích chốt giữ cho bình oxy - Hai bánh xe trước và một bánh xe sau.	Cái	13	
19	Xe tiêm thuốc 3 tầng	- Vật liệu: Inox SUS304 - Kích thước khoảng: KT: d750 x r450 x c1050mm ($\pm 5\%$) + Có 2 ngăn kéo riêng biệt được chạy trên hệ thống ray bi trơn nhẹ. KT ngăn kéo: (D35xR12xS35cm) $\pm 5\%$ - Xe có 4 bánh xe xoay đa chiều, 2 bánh có khóa hãm, bánh xe $\varnothing 100$ 2 Mặt xe, hộc, mặt bao xung quanh xe đẩy bằng inox tấm dày khoảng 0.8 mm ($\pm 5\%$) - Lan can 4 phía bằng inox - Tay đẩy bằng ống $\varnothing 19 \times 1.0 \text{ mm}$ ($\pm 5\%$) - Có 02 xô inox kích thước ($\varnothing 160 - \varnothing 230$) x 220 mm, ($\pm 20 \text{ mm}$) - Vòng xô inox tấm dày khoảng 3.0 mm ($\pm 5\%$) - Tất cả các chi tiết được xử lý mài ráp, đánh bóng trơn nhẵn, đạt độ bóng tiêu chuẩn BA	Cái	6	
Danh mục gồm 47 mặt hàng					

PHỤ LỤC 2:**DANH MỤC HÓA CHẤT Y TẾ VÀ SINH PHẨM CHẨN ĐOÁN INVITRO**

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động				
1	Hoá chất định lượng (ALT/GPT)	- Bộ gồm: R1: 01 lọ 44ml, R2: 01 lọ 11ml Thành phần: Thuốc thử (R1): Tris Buffer (pH 7.5) 137.5 mmol/l, L-Alanine 709 mmol/l, LDH (microbial) ≥ 2000 U/l Thuốc thử (R2): CAPSO 20 mmol/l, 2-oxoglutarate 85 mmol/l, NADH 1.05 mmol	Bộ	60	
2	Hoá chất định lượng (AST/GOT)	- Bộ gồm: R1: 01 lọ 44ml, R2: 01 lọ 11ml Thành phần: Thuốc thử (R1): Tris buffer (pH 7.8) 110 mmol/l, L-aspartic acid 340 mmol/l, LDH ≥ 4000 U/l, MDH ≥ 750 U/l Thuốc thử (R2): CAPSO 20 mmol/l, 2-oxoglutarate 85 mmol/l, NADH 1.05 mmol/l	Bộ	60	
3	Hoá chất định lượng Creatinine	- Thành phần: R1. Reagen. 1 lọ x50mL. Sodiumhydroxyde 0,4mol/L,detergent. R2. reagent. 1 lọ x50mL. Picric acid 25mmol/L. -Bộ gồm: R1: 1 lọ x 50ml, R2: 1 lọ x 50ml	Bộ	70	
4	Hóa chất định lượng Glucose	- Thành phần: Reagent: 1 x 50 ml. Phosphate 100 mmol/L, phenol 5 mmol/L, glucose oxidase > 10 U/ml, peroxidase > 1 U/ml, 4-aminoantipyrine 0.4 mmol/L, pH 7.5. - Lọ 50ml	Lọ	160	
5	Hóa chất định lượng Acid Uric	- Thành phần: Reagent 1 x 50 mL. Phosphate 100 mmol/L, detergent 1.5 g/L, dichlorophenolsulfonate 4 mmol/L, uricase > 0.12 U/mL, ascorbate oxidase > 5 U/mL, peroxidase > 1 U/mL, 4-aminoantipyrine 0.5 mmol/L, pH 7.8 - Lọ 50ml	Lọ	10	
6	Hóa chất định lượng Cholesterol	- Thành phần: Good's Buffer 50 mmol/l, Phenol 5 mmol/l, 4-aminoantipyrine 0.3 mmol/l, Cholesterol esterase ≥ 200 U/l, Cholesterol oxidase ≥ 50 U/l, Peroxidase ≥ 3 Ku. - Lọ 44ml	Lọ	10	
7	Hóa chất định lượng Triglycerides	- Thành phần: Good's buffer (pH 7.2) 50 mmol/l 4-Chlorophenol 4 mmol/l Mg 2+ 15 mmol/l ATP 2 mmol/l Glycerolkinase ≥ 0.4 KU/l Peroxidase ≥ 2.0 KU/l Lipoproteinlipase ≥ 2.0 KU/l Glycerol-3-phosphate-Oxidase ≥ 0.5 KU/l 4-Aminoantipyrine 0.5 mmol/l - Lọ 44 ml	Lọ	10	
8	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1	* Dùng để hiệu chuẩn lâm sàng các xét nghiệm sinh hóa thường quy * Dạng bột đông khô. * Thành phần: huyết thanh bò. * Lọ 5ml	Lọ	15	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
9	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2	* Dạng bột đông khô. * Thành phần: huyết thanh bò. * Lọ 5ml	Lọ	15	
10	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm thông số sinh hóa	* Dạng bột đông khô. * Thành phần: huyết thanh bò. * Lọ 5ml	Lọ	15	
11	Hóa chất định lượng Gamma GT (γ -GT)	- Bộ hóa chất chẩn đoán dùng để định lượng gamma glutamyl transferase (γ GT) trong huyết thanh, huyết tương. - Thành phần: + Dung dịch R1 TR1 Tris buffer (pH 8.25) 125 mmol/l Glycyl Glycine 125 mmol/l + Dung dịch R2 L- γ -Glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide 20 mmol/l. - Bộ gồm R1: 1 lọ x 44ml, R2: 1 lọ x 11ml.	Bộ	6	
12	Hóa chất định lượng Bilirubin trực tiếp	- Thuốc thử định lượng bilirubin trực tiếp trong huyết thanh hoặc huyết tương. - Thành phần: R1 Sulphanilic Acid, Cetrimidel; R2 Sodium Nitrite. - Bộ gồm : R1:1 lọ 44ml , R2: 01 lọ 11ml	Bộ	12	
13	Hóa chất định lượng Bilirubin toàn phần	- Thành phần: R1 Sulphanilic Acid 28.87 mmol/l HCl 58.8 mmol/l Cetrimide 68.6 mmol/l, R2 Sodium Nitrite 2.90 mmol/ - Bộ gồm : R1:1 lọ 44ml , R2: 01 lọ 11ml	Bộ	12	
14	Hóa chất định lượng Protein toàn phần	Thành phần gồm: Copper II Sulphate 12 mmol/l, Potassium Sodium Tartrate 31.9 mmol/l, Potassium Iodide 30.1 mmol/l, Sodium Hydroxide 0.6mol/l. - Lọ x44ml	Lọ	10	
15	Hóa chất xét nghiệm tuyến giáp FT3 bằng Elisa	* Thành phần: FT3 Ab Coated Wells 1ea - 1 bộ thuốc thử liên hợp enzyme 10,5ml; - Thuốc thử màu A 13ml, - Thuốc thử màu B 13ml - Dung dịch dừng (3N HCl) 10ml	Test	96	
16	Hóa chất xét nghiệm tuyến giáp FT4 bằng Elisa	* Thành phần gồm: FT4 Ab Coated Wells 1ea - 1 bộ thuốc thử liên hợp enzyme 10,5ml; - Thuốc thử màu A 13ml, - Thuốc thử màu B 13ml - Dung dịch dừng (3N HCl) 10ml	Test	96	
17	Hóa chất xét nghiệm tuyến giáp TSH bằng Elisa	* Thành phần gồm: TSH Ab Coated Wells 1ea - 1 bộ thuốc thử liên hợp 13 ml; - TBM Reagent 11ml - Dung dịch dừng (3N HCl) 10ml	Test	96	
II	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học tự động				
1	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm thông số Huyết Học	Thành phần: Máu người và máu động vật. Hóa chất dùng để kiểm chuẩn máy xét nghiệm huyết học. Lọ 2,5ml.	Lọ	12	
2	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm huyết học thường quy mức 1	Thành phần: Máu người và máu động vật. Hóa chất dùng để kiểm chuẩn máy xét nghiệm huyết học. Lọ 2,5ml.	Lọ	12	
3	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm huyết học thường quy mức 2	Thành phần: Máu người và máu động vật. Hóa chất dùng để kiểm chuẩn máy xét nghiệm huyết học. Lọ 2,5ml.	Lọ	12	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
4	Dung dịch pha loãng	Thành phần: Potassium Chloride < 0,9%, Sodium Sulphate < 1,2%, Buffer < 1,1%, Stabiliser < 0,01%	Lít	900	
5	Dung dịch ly giải/phá hồng cầu	Thành phần: Potassium Cyanic < 0,05%, Detergent < 5,3% Quaternary Ammonium Salt < 5,0%. Chai 500ml	Chai	45	
6	Dung dịch rửa thường xuyên	Thành phần: Sodiumhypochloride < 0,9%, Buffer < 0,3 %, Detergent < 1,1%	Lít	6	
7	Dung dịch rửa định kỳ	Thành phần: Sodium hypochloride < 14.9%, Sodium hydroxide < 1.0%, Detergent < 1,0%	Lít	6	
III	Hóa chất ngoại kiểm				
1	Hóa chất ngoại kiểm sinh hóa	Đáp ứng thông số sinh hóa thường qui, bộ mỡ, hormones và kim loại vi lượng Các thông số kiểm chuẩn: đáp ứng tối thiểu 52 thông số. - Thành phần: ACE ; Acid phosphatase; Acid phosphatase ; Albumin; Alkaline Phosphatase; ALT; Amylase; Amylase; Free T3; Free T4; Gamma GT; HDL-Cholesterol; Protein; Total T3; Total T4; Triglycerides; TSH; Urea; Uric Acid; - Lọ 5ml.	Lọ	12	
2	Hóa chất ngoại kiểm huyết học	Đáp ứng tối thiểu 11 thông số công thức máu. Các thông số kiểm chuẩn: 11 thông số. - Thành phần: Haemoglobin; Haematocrit; Mean Cell Volume; Mean Cell Haemoglobin; Total White Blood Cell Count; - Lọ 2ml	Lọ	12	
IV	Hóa chất dùng cho xét nghiệm vi sinh và sinh phẩm y tế				
1	Bộ thuốc nhuộm gram	* Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Gram. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet, Lugol, Alcohol và Safranine. * Bộ gồm 4 chai x 100ml	Bộ	8	
2	Môi trường nuôi cấy vi khuẩn BA	Môi trường thạch máu chuẩn bị sẵn, chứa 5% máu cừu, chứa trong đĩa petri 90mm, thể tích 25ml ± 5% Thạch màu đỏ tươi, dùng phân biệt các kiểu tiêu huyết: α,β	Đĩa	200	
3	Môi trường MacConkey	Môi trường Macconkey agar chuẩn bị sẵn, chứa trong đĩa petri 90mm, thể tích 25ml ± 5%	Đĩa	200	
4	Thẻ định danh vi khuẩn Gram âm	Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, để định danh các vi sinh vật Gram âm	Thẻ	40	
5	Thẻ định danh vi khuẩn Gram dương	Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, để định danh các vi sinh vật Gram dương	Thẻ	20	
6	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram âm	Thẻ làm kháng sinh đồ Gram âm Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh.	Thẻ	40	
7	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram dương	Thẻ làm kháng sinh đồ Gram dương Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh.	Thẻ	20	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
8	Bộ nhuộm huỳnh quang	Dùng để nhuộm mycobacteria bằng quy trình nhuộm huỳnh quang. - Thuốc nhuộm huỳnh quang có đặc tính phát ra bức xạ nhìn thấy được khi được kích thích bởi ánh sáng cực tím có bước sóng ngắn hơn, - Bộ thuốc thử bao gồm: (công thức tương ứng trên 1 Lít) + 1 chai 250 mL TB Auramine M: Auramine O 2.0g, Phenol USP 4.0g, Glycerine USP 100.0mL, Isopropanol 250.0mL, Nước cất 650.0mL. + 1 chai 250 mL TB Khử màu TM: Axit hydrochloric 5.0mL, Isopropanol 700.0mL, Nước cất 300.0mL. + 1 chai 250 mL TB Potassium Permanganate: Potassium Permanganate 5.0g, Nước cất 1000.0mL.	Bộ	40	
V	Hóa chất phim X-Quang				
1	Hóa chất hãm hình	Phù hợp với tất cả các loại phim X-Quang thông thường. Bộ hóa chất gồm 02 phần: Phần A (5 lít), phần B (1.25 lít)	Bộ	3	
2	Hóa chất hiện hình	Phù hợp với tất cả các loại phim X-Quang thông thường. Bộ hóa chất gồm 3 phần: Phần A (5 lít), phần B (0.25 lít), Phần C (0.5 lít)	Bộ	3	
VI	Hóa chất khác				
1	Hóa chất khử khuẩn (Cloramin B)	Dạng bột, hàm lượng Clo hoạt tính $\geq 25\%$. Đóng trong thùng bảo quản chắc chắn	Kg	300	
2	Cồn 90 độ	Dung dịch không màu, trong suốt, không vẩn đục, có mùi cồn đặc trưng. Ethanol 90 độ.	Lít	25	
3	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ Glutaraldehyde	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao: Glutaraldehyde $\geq 2\%$. Tương thích với nhiều chất liệu dụng cụ.	Lít	5	
4	Dung dịch tẩy rửa đa enzyme	Thành phần hoạt chất protease enzyme 0,5%. Dung dịch tẩy rửa có hoạt tính enzyme làm sạch dụng cụ y tế trước khi đem đi khử khuẩn hoặc tiệt khuẩn. Chai 1 lít	Chai	3	
5	Gel điện tim	Thành phần: Carbomer, glycerin, natri clorid, nước. Phù hợp với tần số điện cực máy điện tim, không chứa Formadehyde. Chai 250ml	Chai	20	
6	Gel siêu âm	Thành phần: Carbomer, glycerin, natri clorid, nước. Phù hợp với tần số siêu âm không chứa Formadehyde	Lít	20	
7	Nước cất	Đạt tiêu chuẩn nước cất 1 lần	Lít	2.000	
8	Dầu sả	Tinh dầu sả màu vàng, màu hơi nâu có mùi thơm	Lít	20	
9	Viên khử khuẩn	Thành phần chứa Sodium Dichloroisocyanurate (Tương đương 56%W/W chorin hoạt tính) Dạng viên sủi tan nhanh trong nước, Khử khuẩn bề mặt dụng cụ, trang thiết bị, tường sản, vật dụng trong y tế	Viên	9.000	
Danh mục gồm 45 mặt hàng					

Phụ lục: Mẫu báo giá

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Bình Định

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Bình Định, chúng tôi
[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà
cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ
của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (Đồng)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (Đồng)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (Đồng)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (Đồng)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên
quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể
số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngày
....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu
báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận
đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu
tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của
pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của
pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất,
nhà cung cấp⁽¹²⁾**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.*
 - (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.*
 - (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.*
 - (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.*
 - (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.*
 - (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.*
 - (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.*
 - (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.*
 - (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.*
 - (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.*
 - Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.*
 - (12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.*
- Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia*